



ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM – CTCP

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 08/2016

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	2
MỤC 1 – ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH	2
<i>Điều 1 Định nghĩa và giải thích</i>	2
MỤC 2 – THÀNH LẬP, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	5
<i>Điều 2 Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính</i>	5
<i>Điều 3 Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của ACV</i>	5
<i>Điều 4 Con dấu</i>	6
<i>Điều 5 Người đại diện theo pháp luật của ACV</i>	6
<i>Điều 6 Mục tiêu hoạt động của ACV</i>	6
<i>Điều 7 Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và hoạt động</i>	7
<i>Điều 8 Quản lý Nhà nước</i>	7
<i>Điều 9 Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong ACV</i>	7
MỤC 3 – NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	7
<i>Điều 10 Ngành nghề kinh doanh chính của ACV</i>	7
<i>Điều 11 Ngành nghề kinh doanh có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính của ACV</i>	8
<i>Điều 12 Áp dụng Điều ước quốc tế và tập quán thương mại trong hoạt động hàng không</i>	10
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	10
<i>Điều 13 Vốn điều lệ</i>	10
<i>Điều 14 Tăng, giảm vốn điều lệ</i>	10
<i>Điều 15 Cổ phần</i>	11
<i>Điều 16 Chào bán cổ phần</i>	11
<i>Điều 17 Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược</i>	11
<i>Điều 18 Mua lại cổ phần</i>	12
<i>Điều 19 Chuyển nhượng cổ phần</i>	13
<i>Điều 20 Sổ đăng ký cổ đông</i>	14
<i>Điều 21 Chứng nhận cổ phiếu</i>	15

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH	16
MỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC	16
<i>Điều 22 Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....</i>	<i>16</i>
MỤC 2 – CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
<i>Điều 23 Cổ đông.....</i>	<i>16</i>
<i>Điều 24 Quyền của cổ đông.....</i>	<i>18</i>
<i>Điều 25 Nghĩa vụ của cổ đông.....</i>	<i>20</i>
<i>Điều 26 Trách nhiệm của cổ đông lớn.....</i>	<i>21</i>
<i>Điều 27 Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>21</i>
<i>Điều 28 Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>22</i>
<i>Điều 29 Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>23</i>
<i>Điều 30 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>25</i>
<i>Điều 31 Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>25</i>
<i>Điều 32 Mời họp Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>26</i>
<i>Điều 33 Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>26</i>
<i>Điều 34 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>28</i>
<i>Điều 35 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>28</i>
<i>Điều 36 Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>31</i>
<i>Điều 37 Điều kiện để nghị quyết được thông qua.....</i>	<i>31</i>
<i>Điều 38 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>32</i>
<i>Điều 39 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>34</i>
<i>Điều 40 Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>35</i>
<i>Điều 41 Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>35</i>
MỤC 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
<i>Điều 42 Hội đồng quản trị.....</i>	<i>36</i>
<i>Điều 43 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</i>	<i>37</i>
<i>Điều 44 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....</i>	<i>38</i>

Điều 45 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	40
Điều 46 Chủ tịch Hội đồng quản trị	40
Điều 47 Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	41
Điều 48 Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....	43
Điều 49 Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	44
Điều 50 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	45
Điều 51 Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	45
Điều 52 Tiền lương, thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị.....	46
Điều 53 Các ủy ban giúp việc Hội đồng quản trị	47
Điều 54 Thư ký ACV	47
MỤC 4 – TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ	47
Điều 55 Tổng Giám đốc.....	47
Điều 56 Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	48
Điều 57 Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	49
Điều 58 Giúp việc cho Tổng Giám đốc.....	49
Điều 59 Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc	50
Điều 60 Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế Tổng Giám đốc.....	50
MỤC 5 – BAN KIỂM SOÁT	51
Điều 61 Ban kiểm soát.....	51
Điều 62 Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát.....	52
Điều 63 Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	53
Điều 64 Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	54
Điều 65 Trưởng Ban kiểm soát.....	55
Điều 66 Các cuộc họp của Ban kiểm soát	55
Điều 67 Thông qua quyết định của Ban kiểm soát.....	57
Điều 68 Biên bản họp Ban Kiểm soát.....	58
Điều 69 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	58
Điều 70 Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	59

<i>Điều 71 Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên</i>	59
MỤC 6 – TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ ACV	60
<i>Điều 72 Trách nhiệm của Ban kiểm soát và Người quản lý ACV</i>	60
<i>Điều 73 Công khai các lợi ích liên quan</i>	61
<i>Điều 74 Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc</i>	62
<i>Điều 75 Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</i> 63	
<i>Điều 76 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</i>	63
MỤC 7 – LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	64
<i>Điều 77 Lao động</i>	64
<i>Điều 78 Công đoàn</i>	64
CHƯƠNG IV: QUAN HỆ GIỮA ACV VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT	65
MỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ACV	65
<i>Điều 79 Cơ cấu tổ chức của ACV</i>	65
MỤC 2 – QUAN HỆ GIỮA ACV VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	65
<i>Điều 80 Quan hệ giữa ACV với các Đơn vị trực thuộc</i>	65
MỤC 3 – QUAN HỆ GIỮA ACV VỚI CÁC CÔNG TY CÓ VỐN GÓP	66
<i>Điều 81 Quản lý phân vốn của ACV đầu tư tại doanh nghiệp khác</i>	66
<i>Điều 82 Nguyên tắc quan hệ với các công ty có vốn góp của ACV</i>	66
CHƯƠNG V: CƠ CHẾ TÀI CHÍNH	67
MỤC 1 – CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ NĂM TÀI CHÍNH	67
<i>Điều 83 Chế độ tài chính</i>	67
<i>Điều 84 Hệ thống kế toán</i>	67
<i>Điều 85 Năm tài chính</i>	68

MỤC 2 – KIỂM TOÁN	68
<i>Điều 86 Kiểm toán độc lập</i>	<i>68</i>
<i>Điều 87 Kiểm toán nội bộ</i>	<i>69</i>
MỤC 3 – PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	69
<i>Điều 88 Phân phối lợi nhuận sau thuế.....</i>	<i>69</i>
<i>Điều 89 Trích lập quỹ</i>	<i>69</i>
<i>Điều 90 Cổ tức</i>	<i>70</i>
CHƯƠNG VI: SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA ACV	71
<i>Điều 91 Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....</i>	<i>71</i>
<i>Điều 92 Báo cáo thường niên</i>	<i>72</i>
<i>Điều 93 Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ của ACV</i>	<i>72</i>
<i>Điều 94 Chế độ lưu giữ tài liệu của ACV</i>	<i>73</i>
<i>Điều 95 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</i>	<i>73</i>
CHƯƠNG VII: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN ACV	74
<i>Điều 96 Tổ chức lại</i>	<i>74</i>
<i>Điều 97 Giải thể.....</i>	<i>74</i>
<i>Điều 98 Phá sản.....</i>	<i>75</i>
CHƯƠNG VIII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	75
<i>Điều 99 Giải quyết tranh chấp nội bộ.....</i>	<i>75</i>
CHƯƠNG IX: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....	76
<i>Điều 100 Thông tin định kỳ.....</i>	<i>76</i>
<i>Điều 101 Nghĩa vụ bảo mật</i>	<i>76</i>
<i>Điều 102 Luật điều chỉnh, giải thích Điều lệ</i>	<i>76</i>
CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN HIỆU LỰC	76
<i>Điều 103 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ</i>	<i>76</i>
<i>Điều 104 Điều khoản chung</i>	<i>77</i>

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- ✓ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- ✓ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hàng không dân dụng;
- ✓ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- ✓ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, và Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- ✓ Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam – CTCP tổ chức vào ngày 26 tháng 08 năm 2016 (theo Nghị quyết số: 02/NQ-ĐHĐCĐ). Các Phụ lục và các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.



CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1 – ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Điều 1 Định nghĩa và giải thích

- 1.1 Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
- 1.1.1 “**Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP**” (sau đây gọi tắt là ACV) là Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP, được chuyển đổi từ công ty TNHH Một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo Quyết định số 1710/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.
- 1.1.2 “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của ACV.
- 1.1.3 “**Cổ đông lớn**” là Cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của ACV.
- 1.1.4 “**Cổ phần**” là Vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần đó được gọi là cổ phần.
- 1.1.5 “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của ACV sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- 1.1.6 “**Cổ phần, vốn góp chi phối của ACV**” tại doanh nghiệp khác là số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc mức vốn góp của ACV chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.
- 1.1.7 “**Cổ phần, vốn góp không chi phối của ACV**” tại doanh nghiệp khác là số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc mức vốn góp của ACV chiếm từ 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp trở xuống.
- 1.1.8 “**Công ty con**” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:
- ACV sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
 - ACV có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
 - ACV có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
- 1.1.9 “**Công ty liên kết**” là công ty mà ACV nắm giữ cổ phần, vốn góp không chi phối theo quy định của pháp luật.

- 1.1.10 “**Người có liên quan**” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp, cá nhân trong các trường hợp sau đây:
- a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - b. Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
 - c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - d. Người quản lý doanh nghiệp;
 - e. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - f. Cá nhân với vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của cá nhân đó;
 - g. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này;
 - h. Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và g khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
 - i. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.
- 1.1.11 “**Người quản lý ACV**” bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của ACV và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của ACV theo quy định của pháp luật.
- 1.1.12 “**Người đại diện phần vốn của ACV**” là Người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của ACV để thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp, cổ phần của ACV.
- 1.1.13 “**Quyền chi phối**” là quyền của ACV đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:
- a. Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp;
 - b. Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp;

- c. Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp;
 - d. Quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;
 - e. Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa ACV và các doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.
- 1.1.14 “**Vốn điều lệ**” là số vốn do các cổ đông của ACV thực góp, được ghi vào Điều lệ này và được xác nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp. Vốn điều lệ có thể thay đổi trong từng thời kỳ, phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của ACV và quy định của pháp luật.
- 1.1.15 “**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- 1.1.16 “**Thành viên Hội đồng quản trị độc lập**” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
- a. Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - b. Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do ACV nắm quyền kiểm soát;
 - c. Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của ACV;
 - d. Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho ACV trong hai (02) năm gần nhất;
 - e. Không phải là đối tác hoặc người có liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với ACV chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của ACV trong hai (02) năm gần nhất.
- 1.1.17 “**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này.
- 1.1.18 Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản pháp luật thay thế.

- 1.1.19 Các tiêu đề (chương, mục, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 1.1.20 Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC 2 – THÀNH LẬP, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 2 Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính

2.1 Tên gọi:

- a. Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP
- b. Loại hình công ty: Công ty cổ phần
- c. Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Anh: AIRPORTS CORPORATION OF VIETNAM.
- d. Tên viết tắt: ACV

2.2 Trụ sở chính:

- a. Địa chỉ: Số 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- b. Điện thoại: (84.8) 3 8485383
- c. Fax: (84.8) 3 8445127
- d. Website: <http://vietnamairport.vn/>

2.3 Biểu tượng:



2.4 Thời hạn hoạt động

Trừ trường hợp tổ chức lại; giải thể; phá sản theo qui định tại CHƯƠNG VII: Điều 96, CHƯƠNG VII: Điều 97, CHƯƠNG VII: Điều 98 của Điều lệ này, thời gian hoạt động của ACV là vô thời hạn.

Điều 3 Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của ACV

- 3.1 ACV được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật. ACV có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam. Mỗi Cổ đông chỉ chịu

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Lê', is located in the bottom right corner of the page.

trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của ACV trong phạm vi số vốn mà Cổ đông đó đã góp vào ACV.

- 3.2 ACV có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết; quản lý, chỉ đạo, chi phối các công ty con, công ty liên kết theo tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ tại các công ty đó theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và Điều lệ các công ty liên quan.
- 3.3 ACV có:
- 3.3.1 Con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của Pháp luật có liên quan và Điều lệ này.
- 3.3.2 Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông đối với các công ty con và công ty liên kết trong phạm vi số vốn do ACV đầu tư.
- 3.3.3 Quyền sở hữu đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của ACV theo quy định của Pháp luật.

Điều 4 Con dấu

- 4.1 Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu của ACV và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật.
- 4.2 Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng con dấu của ACV theo quy định của Pháp luật.
- 4.3 Quản lý và sử dụng con dấu: Quy định nội bộ về sử dụng con dấu được ACV quy định cụ thể, trong đó xác định các chức danh quản lý, chức danh điều hành và các trường hợp được sử dụng con dấu của ACV và chi nhánh.

Điều 5 Người đại diện theo pháp luật của ACV

Người đại diện theo pháp luật của ACV là Tổng giám đốc ACV.

Điều 6 Mục tiêu hoạt động của ACV

Phát triển ACV là doanh nghiệp có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao; kinh doanh đa ngành theo quy định của pháp luật, trong đó, đầu tư, xây dựng, quản lý khai thác cảng hàng không, sân bay là ngành kinh doanh chính; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo; có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế; là một nòng cốt để ngành công nghiệp hàng không

Việt Nam phát triển bền vững, có khả năng cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả và bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, an ninh - quốc phòng, góp phần vào sự phát triển của đất nước.

Điều 7 Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và hoạt động

- 7.1 Lĩnh vực kinh doanh của ACV bao gồm các hoạt động kinh doanh quy định tại Điều lệ này và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp quy định của pháp luật.
- 7.2 ACV được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh không bị pháp luật cấm đầu tư kinh doanh và phù hợp với mục tiêu hoạt động của ACV.
- 7.3 Phạm vi kinh doanh và hoạt động của ACV là ở trong nước và nước ngoài.

Điều 8 Quản lý Nhà nước

- 8.1 ACV chịu sự quản lý của các cơ quan Nhà nước các cấp theo các quy định của pháp luật.
- 8.2 ACV thực hiện nghĩa vụ với địa phương nơi đặt trụ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 9 Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong ACV

- 9.1 Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong ACV hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- 9.2 Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong ACV hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội đó phù hợp với quy định của pháp luật.
- 9.3 ACV tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

MỤC 3 – NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**Điều 10 Ngành nghề kinh doanh chính của ACV**

- 10.1 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, bao gồm:
- 10.2 Đầu tư, quản lý vốn đầu tư, trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay;
- 10.3 Đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay;
- 10.4 Cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không;
- 10.5 Cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác;

- 10.6 Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khoa học, công nghệ trong và ngoài nước;
- 10.7 Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa;
- 10.8 Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị hàng không;
- 10.9 Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch, các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không;
- 10.10 Cung ứng dịch vụ thương nghiệp, bán hàng miễn thuế, các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay;
- 10.11 Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay.
- 10.12 Dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa, kho hàng hóa; giao nhận hàng hóa; nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ.

Điều 11 Ngành nghề kinh doanh có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính của ACV

- 11.1 Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP.HCM về phê duyệt kinh doanh nông sản thực phẩm trên địa bàn TP.HCM).
- 11.2 Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- 11.3 Quảng cáo.
- 11.4 Hoạt động trung gian tiền tệ khác.
Chi tiết: Đại lý thu đổi ngoại tệ tại các nhà ga hành khách cảng hàng không
- 11.5 Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- 11.6 Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa đường băng, đường lăn sân đậu, đường dẫn vào nhà ga hành khách, đường nội cảng.
- 11.7 Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- 11.8 Lắp đặt hệ thống điện.
- 11.9 Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- 11.10 Hoàn thiện công trình xây dựng.
- 11.11 Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
- 11.12 Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (trừ thiết kế công trình, giám sát thi công, khảo sát xây dựng).
- 11.13 Giáo dục nghề nghiệp.

- 11.14 Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- 11.15 Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- 11.16 Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...).
- 11.17 Đại lý du lịch.
- 11.18 Điều hành tour du lịch.
- 11.19 Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá tour và tổ chức tour du lịch.
- 11.20 Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không.
- 11.21 Lưu giữ hàng hóa.
- 11.22 Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).
- 11.23 Vận tải hành khách đường bộ khác.
- 11.24 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
- 11.25 Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Bán điện cho người sử dụng.
- 11.26 Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Chi tiết: Khai thác, xử lý và phân phối nước cho nhu cầu gia dụng.
- 11.27 Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 11.28 Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 11.29 Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 11.30 Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 11.31 Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 11.32 Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 11.33 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
Chi tiết: cho thuê tài sản trên đất, cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh.
- 11.34 Hoạt động tư vấn quản lý.
- 11.35 Hoạt động vui chơi giải trí chưa được phân vào đâu.
- 11.36 Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự.
- 11.37 Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú.
- 11.38 Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông.
- 11.39 Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe ô tô; Xe/thiết bị chuyên dụng phục vụ mặt đất tại Cảng hàng không, sân bay; Xe có động cơ khác.
- 11.40 Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị, hạ tầng kỹ thuật tại Cảng hàng không, sân bay.
- 11.41 Thoát nước và xử lý nước thải.
- 11.42 Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.
- 11.43 Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại.
- 11.44 Thu gom rác thải không độc hại.
- 11.45 Thu gom rác thải độc hại.
- 11.46 Ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

Điều 12 Áp dụng Điều ước quốc tế và tập quán thương mại trong hoạt động hàng không

- 12.1 ACV được áp dụng Điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động hàng không mà ACV là thành viên, phù hợp với quy định của pháp luật.
- 12.2 ACV có thể thỏa thuận với khách hàng áp dụng tập quán thương mại, kể cả tập quán thương mại quốc tế, liên quan đến hoạt động cảng hàng không nếu tập quán đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 13 Vốn điều lệ

- 13.1 Vốn điều lệ của ACV tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua là 21.771.732.360.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi một nghìn, bảy trăm bảy mươi một tỷ, bảy trăm ba mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).
- 13.2 Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
- 13.3 Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích đầu tư, sản xuất kinh doanh của ACV và theo quy định của pháp luật.

Điều 14 Tăng, giảm vốn điều lệ

- 14.1 ACV thực hiện tăng, giảm vốn điều lệ, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan. ACV bảo đảm rằng Điều lệ này và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi một cách hợp pháp để phản ánh việc tăng, giảm vốn điều lệ.
- 14.2 Các hình thức tăng vốn điều lệ của ACV:
- 14.2.1 Chào bán cổ phần, bao gồm: (i). Chào bán cho các cổ đông hiện hữu; (ii). Chào bán ra công chúng và (iii). Chào bán cổ phần riêng lẻ.
- 14.2.2 Chuyển đổi trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phần (nếu có).
- 14.2.3 Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.
- 14.2.4 Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 14.3 Các hình thức giảm vốn điều lệ của ACV:
- 14.3.1 ACV mua lại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, bao gồm: (i). Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông; và (ii). Mua lại cổ phần theo quyết định của ACV.

14.3.2 Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15 Cổ phần

- 15.1 Mỗi cổ phần của ACV có mệnh giá là 10.000 đồng (Bằng chữ: Mười nghìn đồng). Số lượng cổ phần của ACV bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
- 15.2 Vốn điều lệ của ACV tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 2.177.173.236 cổ phần (Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi sáu cổ phần).
- 15.3 Toàn bộ số cổ phần của ACV vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
- 15.4 ACV có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo các điều kiện do Đại hội đồng cổ đông quyết định khi được Cơ quan Nhà nước chấp thuận và phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.
- 15.5 Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 16 Chào bán cổ phần

- 16.1 Chào bán cổ phần là việc ACV tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
- 16.2 Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
- 16.2.1 Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
- 16.2.2 Chào bán ra công chúng;
- 16.2.3 Chào bán cổ phần riêng lẻ.
- 16.3 Chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 16.4 ACV thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.
- 16.5 Điều kiện và trình tự thực hiện chào bán cổ phần theo các hình thức được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 17 Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

ACV sẽ tiếp tục thực hiện việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược theo Phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc chào bán theo hình thức phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

Điều 18 Mua lại cổ phần

18.1 Mua lại cổ phần theo theo quyết định của ACV

ACV có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

18.1.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

18.1.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 18.1.3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu ACV và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

18.1.3 ACV có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của ACV được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo có tên, địa chỉ trụ sở chính của ACV, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho ACV.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được ACV trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. ACV chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

18.2 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

18.2.1 Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại ACV hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ ACV có quyền yêu cầu ACV mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu ACV mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến ACV trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

18.2.2 ACV mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm 18.2.1 khoản 18.2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo quy định của ACV trong thời hạn 90 ngày,

kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. ACV giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

- 18.3 Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại
- 18.3.1 ACV chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 18.1 và khoản 18.2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, ACV vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 18.3.2 Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 18.1 và khoản 18.2 Điều này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của pháp luật. ACV làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được ACV mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- 18.3.3 Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với ACV.
- 18.3.4 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của ACV giảm hơn 10% thì ACV thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 19 Chuyển nhượng cổ phần

- 19.1 Cổ phần được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Trường hợp có quy định hạn chế khác về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.
- 19.2 Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 19.3 Cổ phần mà cổ đông chiến lược mua theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này không được chuyển nhượng trong thời hạn thỏa thuận tại Hợp đồng bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược hoặc trong thời hạn hạn chế theo quy định của pháp luật, tùy thuộc thời hạn nào dài hơn. Cơ chế giải quyết tất cả các vấn đề phát sinh liên quan đến việc bán cổ phần cho nhà

đầu tư chiến lược thực hiện theo Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, Hợp đồng hợp tác chiến lược và các Hợp đồng/thỏa thuận khác có liên quan và các quy định của pháp luật.

- 19.4 Trong thời gian đang xử lý các hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:
- 19.4.1 Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, mua lại, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của Pháp luật;
- 19.4.2 Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án; hoặc
- 19.4.3 Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất bắt buộc theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
- 19.5 Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của ACV.
- 19.6 Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- 19.7 Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại ACV cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của ACV.
- 19.8 Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và ACV phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
- 19.9 Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông ACV từ thời điểm các thông tin của họ theo quy định của pháp luật được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 20 Sổ đăng ký cổ đông

- 20.1 ACV lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
- 20.2 Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 20.2.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính của ACV;
- 20.2.2 Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- 20.2.3 Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- 20.2.4 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- 20.2.5 Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 20.3 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của ACV hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của ACV hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
- 20.4 Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với ACV để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. ACV không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 21 Chứng nhận cổ phiếu

- 21.1 Cổ đông của ACV được cấp Chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
- 21.2 Chứng nhận cổ phiếu do ACV phát hành bao gồm các thông tin chủ yếu sau:
- 21.2.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính của ACV;
- 21.2.2 Số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- 21.2.3 Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- 21.2.4 Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên Chứng nhận cổ phiếu;
- 21.2.5 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức (đối với cổ phiếu có ghi tên);
- 21.2.6 Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;
- 21.2.7 Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của ACV;
- 21.2.8 Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành Chứng nhận cổ phiếu tương ứng;
- 21.2.9 Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi biểu quyết (nếu có), ngoài những thông tin trên còn phải ghi rõ mức được biểu quyết và thời hạn hiệu lực ưu đãi biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này; và
- 21.2.10 Các nội dung khác theo quy định của Pháp luật.

- 21.3 Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí Chứng nhận cổ phiếu sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo quy định của điều khoản phát hành hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ACV ban hành).
- 21.4 ACV có thể trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý Chứng nhận cổ phiếu cho cổ đông hoặc cấp Chứng nhận cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp Chứng nhận cổ phiếu bị hỏng, mất, bị cháy hoặc bị tẩy xóa, tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị ACV cấp lại Chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho ACV.
- 21.5 Sau khi ACV đã niêm yết hoặc đăng ký lưu ký tập trung, cổ phần do các cổ đông sở hữu sẽ được ghi nhận dưới hình thức bút toán ghi sổ. Việc phát hành, chuyển nhượng và các vấn đề liên quan đến các loại cổ phần khi đó sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật hoặc của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

MỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 22 Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý của ACV gồm:

- 22.1 Đại hội đồng cổ đông;
- 22.2 Hội đồng quản trị;
- 22.3 Ban kiểm soát;
- 22.4 Tổng Giám đốc.

MỤC 2 – CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 23 Cổ đông

- 23.1 Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của ACV trong phạm vi số vốn đã góp vào ACV.
- 23.2 Cổ đông được công nhận chính thức khi thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của ACV.

- 23.3 Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông:
- 23.3.1 Nếu cổ đông là tổ chức thì cổ đông đó phải chỉ định một hay nhiều người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình tại Đại hội đồng cổ đông trừ trường hợp đại diện theo pháp luật của cổ đông trực tiếp tham dự họp. Trong trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì cổ đông phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
- 23.3.2 Cổ đông là tổ chức có sở hữu từ 10% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được quyền ủy quyền tối đa ba (03) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông là tổ chức có sở hữu từ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được ủy quyền tối đa năm (05) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được quyền ủy quyền cho một người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 23.3.3 Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải được thông báo bằng văn bản cho ACV trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh các sự kiện trên đây. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông chỉ có giá trị pháp lý với ACV kể từ ngày ACV nhận được thông báo hợp lệ.
- 23.3.4 Văn bản ủy quyền của cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
 - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;
 - Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
 - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.
- 23.3.5 Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - Thành viên, cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của

người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại ACV;

- 23.3.6 Mỗi cổ đông bồi hoàn cho ACV đối với mọi khiếu nại phát sinh tới hành động sai trái, gian lận, cố ý sai phạm do người đại diện theo ủy quyền của mình gây ra trong thời gian người đó đại diện cho cổ đông và đối với mọi khiếu nại phát sinh tới việc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền khỏi chức vụ của người đó do sự gian lận của người đại diện theo ủy quyền.
- 23.3.7 Mỗi cổ đông phải bảo đảm rằng người đại diện theo ủy quyền của mình có khả năng và mong muốn hành động với tư cách là đại diện theo ủy quyền trước Đại hội đồng cổ đông và cam kết rằng mình sẽ bảo đảm rằng người đại diện theo ủy quyền đó sẽ không cố tình vắng mặt hoặc không tham dự Đại hội đồng cổ đông mà không có lý do chính đáng nhằm ngăn cản hoạt động của ACV.
- 23.3.8 Người đại diện theo ủy quyền không được hưởng thù lao của ACV về việc thực hiện công việc ủy quyền.

Điều 24 Quyền của cổ đông

- 24.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
- 24.1.1 Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Pháp luật, Điều lệ ACV quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Cổ đông có quyền gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo thẩm quyền và thể thức quy định tại Điều 38 Điều lệ này;
- 24.1.2 Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 24.1.3 Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong ACV;
- 24.1.4 Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong Sổ đăng ký cổ đông của ACV cho cổ đông khác hoặc cá nhân, tổ chức khác không phải là cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 24.1.5 Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp ACV có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- 24.1.6 Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của ACV;
- 24.1.7 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- 24.1.8 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của ACV, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 24.1.9 Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ACV sau khi ACV đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi của ACV theo quy định của pháp luật khi ACV giải thể hoặc phá sản;
- 24.1.10 Yêu cầu ACV mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- 24.1.11 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 24.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có thêm các quyền sau đây:
- 24.2.1 Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- 24.2.2 Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- 24.2.3 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong những trường hợp sau đây:
- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.
- Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của ACV, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- 24.2.4 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa

chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của ACV; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

24.2.5 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 25 Nghĩa vụ của cổ đông

25.1 Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

25.2 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi ACV dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được ACV hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của ACV trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

25.3 Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của ACV.

25.4 Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

25.5 Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu theo hình thức khác do Pháp luật, Điều lệ ACV quy định. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

25.6 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và phải thông báo ngay cho ACV khi có bất cứ thay đổi nào đối với các thông tin đã đăng ký.

25.7 Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của ACV trong phạm vi số vốn đã góp.

25.8 Không được sử dụng Cổ phần, Chứng nhận cổ phiếu làm tài sản thế chấp, cầm cố tại ACV.

25.9 Bảo vệ uy tín, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của ACV.

25.10 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh ACV dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với ACV.
- 25.11 Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong ACV. ACV có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự của các cổ phần;
- 25.12 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 26 Trách nhiệm của cổ đông lớn

- 26.1 Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của ACV và của các cổ đông khác.
- 26.2 Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- 26.3 Tổ chức, cá nhân trở thành Cổ đông lớn của ACV phải gửi báo cáo bằng văn bản đến ACV, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của ACV được niêm yết trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày trở thành Cổ đông lớn.
- 26.4 Báo cáo về sở hữu của Cổ đông lớn bao gồm các nội dung sau đây:
- 26.4.1 Tên, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh đối với Cổ đông lớn là tổ chức; họ, tên, tuổi, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp đối với Cổ đông lớn là cá nhân;
 - 26.4.2 Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do Cổ đông sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- 26.5 Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại khoản 26.4 Điều 26 Điều lệ này hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá 1% số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành, thì trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho ACV, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của ACV được niêm yết.
- 26.6 Quy định tại các khoản 26.3, 26.4, 26.5 Điều 26 của Điều lệ này cũng áp dụng đối với Người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của ACV.

Điều 27 Đại hội đồng cổ đông

- 27.1 Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của ACV, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

- 27.2 Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham dự tối thiểu theo quy định tại Điều 34 của Điều lệ này.
- 27.3 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông chỉ có giá trị khi được các cổ đông hoặc người được ủy quyền thông qua theo quy định tại Điều 36, Điều 37 và Điều 38 của Điều lệ này.

Điều 28 Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 28.1 Đại hội đồng cổ đông có những quyền và nhiệm vụ sau đây:
- 28.1.1 Thông qua định hướng, chiến lược phát triển của ACV; Thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm của ACV;
- 28.1.2 Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- 28.1.3 Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó do Hội đồng quản trị đề nghị;
- 28.1.4 Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- 28.1.5 Thông qua tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- 28.1.6 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của ACV;
- 28.1.7 Quyết định ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của ACV ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- 28.1.8 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- 28.1.9 Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- 28.1.10 Lựa chọn danh sách công ty kiểm toán;
- 28.1.11 Quyết định việc ACV mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- 28.1.12 Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho ACV và cổ đông của ACV;
- 28.1.13 Chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức pháp lý của ACV;
- 28.1.14 Quyết định tổ chức lại, giải thể ACV;
- 28.1.15 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.
- 28.2 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- 28.2.1 Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm 28.1.7 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- 28.2.2 Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
- 28.3 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29 Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- 29.1 Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
- 29.2 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của ACV;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của ACV, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- 29.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- 29.3.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của ACV;
- 29.3.2 Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

- 29.3.3 Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- 29.3.4 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 24.2 Điều 24 của Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.
- 29.3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- 29.3.6 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 29.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm 29.3.3 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm 29.3.4 và điểm 29.3.5 khoản 29.3 Điều này.
- 29.5 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho ACV.
- 29.6 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 29.3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
- 29.7 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho ACV.
- 29.8 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 29.6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 24.2 Điều 24 của Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
- 29.9 Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:
- 29.9.1 Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- 29.9.2 Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- 29.9.3 Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- 29.9.4 Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- 29.9.5 Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- 29.9.6 Xác định thời gian và địa điểm họp;
- 29.9.7 Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;
- 29.9.8 Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
- 29.10 Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 29.4, 29.6 và 29.8 của Điều này sẽ được ACV hoàn lại.

Điều 30 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 30.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của ACV. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- 30.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- 30.3 Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 31 Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- 31.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
- 31.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 24.2 Điều 24 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- 31.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 31.2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- 31.3.1 Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- 31.3.2 Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 31.3.3 Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 24.2 Điều 24 Điều lệ này.
- 31.4 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 31.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 31.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 32 Mời họp Đại hội đồng cổ đông

- 32.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ACV; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- 32.2 Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của ACV.
- 32.3 Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
- 32.3.1 Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- 32.3.2 Phiếu biểu quyết;
- 32.3.3 Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
- 32.4 Việc gửi các tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 32.3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải trên trang thông tin điện tử của ACV. Trường hợp này, thông báo mời họp sẽ nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử, nơi, cách thức tải tài liệu và ACV sẽ gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 33 Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 33.1 Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 33.2 Điều này. Trường hợp cổ

đồng là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điều 23 của Điều lệ này thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

- 33.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do ACV phát hành và có chữ ký theo quy định sau đây:
- 33.2.1 Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- 33.2.2 Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- 33.2.3 Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- 33.3 Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- 33.4 Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với ACV).
- 33.5 Trừ trường hợp quy định tại khoản 33.4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- 33.5.1 Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- 33.5.2 Người ủy quyền đã huỷ bỏ hoặc chấm dứt việc ủy quyền;
- Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp ACV nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
- 33.6 Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- 33.6.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- 33.6.2 Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- 33.6.3 Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

33.6.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 34 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

34.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

34.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 34.1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

34.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 34.2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, và trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

34.4 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 32.3 Điều 32 của Điều lệ này.

Điều 35 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

35.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền dự họp theo danh sách tiến hành đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ cho các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

35.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, ACV cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

35.3 Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

35.3.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa của cuộc họp. Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử trong số những người dự họp và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố, người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

- 35.3.2 Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- 35.3.3 Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký lập biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
- 35.3.4 Đại hội đồng Cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- 35.4 Đại hội đồng Cổ đông thông qua chương trình và nội dung họp ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 35.5 Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ biểu quyết thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số của từng loại phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu đối với từng vấn đề được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- 35.6 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
- 35.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền:
- 35.7.1 Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.
- 35.7.2 Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
- 35.8 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- 35.8.1 Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- 35.8.2 Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- 35.8.3 Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- 35.8.4 Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Đại hội họp lại vẫn phải đủ số lượng cổ đông có quyền biểu quyết như quy định tại Điều 34 và sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.
- Ngoài ra, Chủ tọa có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.
- Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.
- 35.9 Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 35.8 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp đến lúc kết thúc và tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 35.10 Chủ tọa của Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự; đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 35.11 Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
- 35.11.1 Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- 35.11.2 Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- 35.11.3 Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 35.12 Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- 35.12.1 Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- 35.12.2 Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

- 35.13 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
- 35.14 Hàng năm ACV tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 36 Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 36.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 36.2 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
- 36.2.1 Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ ACV;
- 36.2.2 Định hướng phát triển ACV;
- 36.2.3 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- 36.2.4 Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- 36.2.5 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của ACV.
- 36.2.6 Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- 36.2.7 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, hoặc yêu cầu phá sản ACV.

Điều 37 Điều kiện để nghị quyết được thông qua

- 37.1 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
- 37.1.1 Sửa đổi và bổ sung Điều lệ ACV;
- 37.1.2 Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh;
- 37.1.3 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- 37.1.4 Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, hoặc yêu cầu phá sản ACV;

- 37.1.5 Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của ACV;
- 37.2 Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 37.1 và khoản 37.3 Điều này.
- 37.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ ACV. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
- 37.4 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
- 37.5 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được ACV thông báo đến các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của ACV.

Điều 38 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 38.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của ACV;
- 38.2 Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 30.1 và khoản 30.2 Điều 30 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện

theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này;

- 38.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 38.3.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ACV;
- 38.3.2 Mục đích lấy ý kiến;
- 38.3.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- 38.3.4 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- 38.3.5 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- 38.3.6 Thời hạn phải gửi về ACV phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- 38.3.7 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của ACV;
- 38.4 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến ACV theo một trong các hình thức sau đây:
- 38.4.1 Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về ACV phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- 38.4.2 Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về ACV qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về ACV sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
- 38.5 Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý ACV.
- Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 38.5.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ACV;
- 38.5.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- 38.5.3 Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- 38.5.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- 38.5.5 Các vấn đề đã được thông qua;
- 38.5.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của ACV, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- 38.6 Biên bản kiểm phiếu được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của ACV trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 38.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của ACV;
- 38.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 39.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 39.1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ACV;
- 39.1.2 Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- 39.1.3 Chương trình và nội dung cuộc họp;
- 39.1.4 Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- 39.1.5 Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- 39.1.6 Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- 39.1.7 Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- 39.1.8 Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- 39.1.9 Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- 39.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 39.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của ACV trong thời hạn 24 giờ, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của ACV.

Điều 40 Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 24.2 Điều 24 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 40.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ ACV, trừ trường hợp quy định tại khoản 41.2, Điều 41 của Điều lệ này;
- 40.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ ACV.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ xem xét tổ chức lại Đại hội đồng Cổ đông theo trình tự và thời hạn pháp luật quy định.

Điều 41 Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 41.1 Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

- 41.2 Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
- 41.3 Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

MỤC 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 42 Hội đồng quản trị

- 42.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý ACV, có toàn quyền nhân danh ACV để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ACV không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 42.2 Hội đồng quản trị phải có tối thiểu là 04 (bốn) thành viên và không quá 07 (bảy) thành viên, số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần bảo đảm sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về Pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của ACV. Đồng thời, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên nắm giữ các chức danh điều hành với các thành viên không điều hành và thành viên độc lập.
- 42.3 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng Cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
- Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 42.4 Nguyên tắc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau: Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- 42.4.1 Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;
- 42.4.2 Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
- 42.4.3 Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
- 42.4.4 Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
- 42.4.5 Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
- 42.4.6 Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên.
- 42.4.7 Từ 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên.
- 42.5 Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định của pháp luật.
- 42.6 Trường hợp cổ đông nước ngoài bao gồm cả cổ đông chiến lược nước ngoài, nhà đầu tư tài chính, người Việt Nam định cư ở nước ngoài cử đại diện tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
 - 42.6.1 Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại ACV;
 - 42.6.2 Không làm thành viên Hội đồng quản trị trong quá 02 (hai) doanh nghiệp tại Việt Nam; và
 - 42.6.3 Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của ACV.

Điều 43 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

- 43.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - 43.1.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - 43.1.2 Hiểu biết và tuân thủ pháp luật; Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của ACV và không nhất thiết phải là cổ đông của ACV.
 - 43.1.3 Thành viên Hội đồng quản trị ACV có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 44 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 44.1 Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 44.2 Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- 44.3 Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại điểm 18.1.1 khoản 18.1 Điều 18 của Điều lệ này;
- 44.4 Quyết định việc ACV phát hành trái phiếu để huy động vốn nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu;
- 44.5 Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của ACV trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- 44.6 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- 44.7 Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
- 44.8 Xây dựng và ban hành quy chế hoạt động của ACV;
- 44.9 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển 05 năm và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty ACV, bao gồm:
- 44.9.1 Kế hoạch sử dụng vốn và tài sản
- 44.9.2 Kế hoạch đầu tư, sửa chữa
- 44.9.3 Kế hoạch doanh thu – chi phí
- 44.9.4 Kế hoạch tuyển dụng, sử dụng lao động
- 44.9.5 Kế hoạch tiền lương, tiền thưởng
- 44.9.6 Kế hoạch sử dụng các quỹ
- 44.10 Ban hành các quy định phân cấp
- 44.10.1 Tuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quản lý cán bộ các cấp
- 44.10.2 Đầu tư, mua sắm trang thiết bị

- 44.10.3 Tuyển dụng và sử dụng lao động
- 44.11 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý của ACV; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- 44.12 Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch, Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc công ty con 100% vốn đầu tư của ACV.
- 44.13 Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của ACV;
- 44.14 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của ACV;
- 44.15 Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị trực thuộc, văn phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ của ACV, các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị;
- 44.16 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- 44.17 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- 44.18 Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- 44.19 Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- 44.20 Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản ACV;
- 44.21 Thông qua việc định giá các tài sản góp vào ACV không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của ACV, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- 44.22 Thông qua việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của ACV;
- 44.23 Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ ACV và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ ACV gây thiệt hại cho ACV thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho ACV; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

44.24 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ACV.

Điều 45 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- 45.1 Đánh giá tình hình hoạt động của ACV trong năm tài chính;
- 45.2 Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- 45.3 Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- 45.4 Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
- 45.5 Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;
- 45.6 Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 46 Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 46.1 Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc của ACV.
- 46.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - 46.2.1 Chủ trì xây dựng và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - 46.2.2 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - 46.2.3 Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 46.2.4 Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - 46.2.5 Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị; Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - 46.2.6 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 46.2.7 Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 46.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

- 46.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 47 Cuộc họp Hội đồng quản trị

- 47.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 47.2 Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần hoặc họp bất thường để kịp thời giải quyết các công việc đột xuất do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi thấy cần thiết vì lợi ích của ACV. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của ACV hoặc ở nơi khác.
- 47.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
- 47.3.1 Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- 47.3.2 Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- 47.3.3 Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- 47.3.4 Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập liên quan đến báo cáo kiểm toán và tình hình ACV;
- 47.3.5 Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định của pháp luật.
- 47.3.6 Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Người có thẩm quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhưng phải thông báo cho người đề nghị và các thành viên Hội đồng quản trị.
- 47.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 47.3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với ACV; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

47.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi văn bản thông báo vắng mặt và thông báo này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại ACV.

47.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

47.7 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

47.8 Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

47.8.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

47.8.2 Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 47.9 Điều này.

47.8.3 Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

47.8.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

47.9 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

47.10 Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức bằng điện thoại hội đàm trực tuyến (video, tele-conference) giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên

tham gia họp đều có thể:

- 47.10.1 Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- 47.10.2 Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Điều 48 Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

- 48.1 Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc fax.

- 48.2 Quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) hoặc ủy quyền cho người khác theo quy định tại Khoản 47.9 Điều 47 Điều lệ này thực hiện biểu quyết thay.

- 48.3 Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

- 48.3.1 Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị (trên 50%) có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).

- 48.3.2 Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp.

- 48.3.3 Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ theo quy định tại khoản 47.10 Điều 47 Điều lệ này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
- 48.3.4 Trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành bằng văn bản của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết cũng có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và cụ thể hóa tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị ACV.

Điều 49 Biên bản họp Hội đồng quản trị

- 49.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng nước ngoài (nếu có thành viên Hội đồng quản trị là người nước ngoài), và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- 49.1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ACV;
 - 49.1.2 Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - 49.1.3 Thời gian, địa điểm họp;
 - 49.1.4 Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - 49.1.5 Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - 49.1.6 Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - 49.1.7 Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - 49.1.8 Các vấn đề đã được thông qua;
 - 49.1.9 Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị được chuyển cho các thành viên Hội đồng quản trị và những biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính xác thực và kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại, phản đối liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

- 49.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của ACV.
- 49.3 Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 50 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

- 50.1 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý ACV cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của ACV.
- 50.2 Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 51 Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 51.1 Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- 51.1.1 Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này;
- 51.1.2 Vi phạm quy định của pháp luật đến mức bị truy tố;
- 51.1.3 Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;
- 51.1.4 Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến Hội đồng quản trị của ACV (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức);
- 51.1.5 Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 51.1.6 Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
- 51.1.7 Mất tư cách là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
- 51.1.8 Bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;

- 51.1.9 Bị Cơ quan nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai lợi ích và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị;
- 51.1.10 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 51.2 Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 51.1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với những quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
- 51.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- 51.3.1 Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ ACV; hoặc
- 51.3.2 Không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Pháp luật.
- 51.3.3 Trong các trường hợp trên, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- Ngoài các trường hợp quy định tại điểm 51.3.1 và 51.3.2 khoản 51.3 Điều này, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- 51.4 Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 52 Tiền lương, thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị

- 52.1 ACV trả thù lao hoặc tiền lương và tiền thưởng (nếu có) cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 52.2 Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

- 52.3 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 52.4 Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của ACV theo quy định của pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của ACV, phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại các cuộc họp thường niên.
- 52.5 Các thành viên của Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác theo quy định khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của ACV.

Điều 53 Các ủy ban giúp việc Hội đồng quản trị

- 53.1 Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các Ủy ban trực thuộc, giúp việc cho Hội đồng quản trị.
- 53.2 Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng và tiêu chuẩn, điều kiện của các thành viên của các Ủy ban này và cơ chế làm việc của các Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 54 Thư ký ACV

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký ACV để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ ACV.

MỤC 4 – TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ**Điều 55 Tổng Giám đốc**

- 55.1 Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của ACV.
- 55.2 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
- 55.3 Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của ACV và về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị ACV.

- 55.4 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 55.5 Tổng Giám đốc không đồng thời kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành nào tại bất kỳ doanh nghiệp nào, trừ trường hợp là chi nhánh của ACV hoặc trường hợp khác theo quy định.
- 55.6 Trường hợp Tổng Giám đốc điều hành trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này mà gây thiệt hại cho ACV thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho ACV.

Điều 56 Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

- 56.1 Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- 56.2 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của ACV theo phân cấp của Hội đồng quản trị;
- 56.3 Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ và thực hiện thẩm quyền ban hành các văn bản quản lý nội bộ theo phân cấp thẩm quyền tại quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành để vận hành hệ thống tổ chức điều hành của ACV;
- 56.4 Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà ACV cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, và đề xuất để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- 56.5 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong ACV, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- 56.6 Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong ACV theo sự phân cấp của Hội đồng quản trị ACV;
- 56.7 Tuyển dụng lao động theo kế hoạch tuyển dụng đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- 56.8 Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- 56.9 Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như phù hợp kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- 56.10 Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của ACV;

- 56.11 Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ, Tổng giám đốc ký kết hợp đồng sau khi có quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị ACV;
- 56.12 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của ACV (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của ACV theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của ACV;
- 56.13 Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả;
- 56.14 Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp bất khả kháng, khẩn cấp (như thiên tai hỏa hoạn hay sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp;
- 56.15 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 57 Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

- 57.1 Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc căn cứ vào kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 57.2 Tiền lương và chi phí cho hoạt động của Tổng Giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của ACV theo quy định pháp luật.

Điều 58 Giúp việc cho Tổng Giám đốc

- 58.1 Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ và các cơ quan tương đương của ACV có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.
- 58.2 Phó Tổng Giám đốc là người trợ giúp Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của ACV theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.
- 58.3 Số lượng Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.

58.4 Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của ACV, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng không được kiêm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

Điều 59 Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành Tổng Giám đốc

59.1 Tổng Giám đốc ACV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

59.1.1 Là cư dân thường trú tại Việt Nam;

59.1.2 Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

59.1.3 Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; phải có kinh nghiệm ít nhất 03 năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của ACV;

59.1.4 Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

59.1.5 Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng ACV;

Điều 60 Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế Tổng Giám đốc

60.1 Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

60.1.1 Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 59.1 Điều 59 Điều lệ này;

60.1.2 Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ACV trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày;

60.2 Tổng Giám đốc có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

60.2.1 Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

60.2.2 Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của ACV;

60.2.3 Có tình vi phạm hoặc vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng trong việc thực hiện Điều lệ ACV, chế độ quản lý tài chính và các quy chế quản lý nội bộ khác; vi phạm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ACV;

60.2.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

60.3 Hội đồng quản trị bãi nhiệm Tổng Giám đốc theo điểm 60.2.1 khoản 60.2 Điều này khi có

đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

- 60.4 Trong trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 60.1 và 60.2 Điều này, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty sẽ điều hành hoạt động hàng ngày của ACV cho đến khi Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới hoặc cử người tạm thay thế. Hội đồng quản trị gửi thông báo bằng văn bản cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định của pháp luật.
- 60.5 Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc, báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất và tiến hành xử lý những sai phạm của Tổng Giám đốc, cũng như bổ nhiệm người thay thế Tổng Giám đốc.
- 60.6 Người được Hội đồng quản trị cử tạm thời thay thế Tổng Giám đốc bị đình chỉ hoặc người được Hội đồng quản trị bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cổ đông về mọi hoạt động của ACV.

MỤC 5 – BAN KIỂM SOÁT

Điều 61 Ban kiểm soát

- 61.1 Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành ACV, thực trạng tài chính của ACV và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 61.2 Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu, trong đó có hơn 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên thường trú tại Việt Nam. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của ACV và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của ACV.
- 61.3 Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm; các thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- 61.4 Ban kiểm soát bầu một (01) thành viên làm Trưởng ban theo quy định tại Điều 65 Điều lệ này.
- 61.5 Nguyên tắc đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện như sau: Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:
- 61.5.1 Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên ;
- 61.5.2 Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
- 61.5.3 Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
- 61.5.4 Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
- 61.5.5 Từ 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên.
- 61.6 Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được pháp luật quy định.

Điều 62 Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát của ACV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- 62.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- 62.2 Phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên;
- 62.3 Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của ACV;
- 62.4 Không được giữ các chức vụ quản lý ACV; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của ACV;
- 62.5 Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 63 Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

- 63.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành ACV.
- 63.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 63.3 Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của ACV, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- 63.4 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của ACV.
- 63.5 Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của ACV, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của ACV khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 24.2 Điều 24 của Điều lệ này.
- 63.6 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 24.2 Điều 24 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
- Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của ACV.
- 63.7 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của ACV.
- 63.8 Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 72 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 63.9 Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của ACV.
- 63.10 Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của ACV để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- 63.11 Có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của ACV.
- 63.12 Xem xét báo cáo của ACV về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 63.13 Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 63.14 Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hàng năm xem xét lại Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
- 63.15 Được sử dụng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của ACV để thực hiện các nhiệm vụ của mình.
- 63.16 Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
- 63.17 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 64 Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- 64.1 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 64.2 Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
- 64.3 Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do ACV phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 64.4 Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của ACV lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của ACV trong giờ làm việc.
- 64.5 Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của ACV theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 65 Trưởng Ban kiểm soát

- 65.1 Trưởng Ban kiểm soát có những tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- 65.1.1 Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 62 Điều lệ này;
- 65.1.2 Phải làm việc chuyên trách tại ACV.
- 65.2 Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
- 65.2.1 Các quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại 0, Điều 64 Điều lệ này;
- 65.2.2 Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Ban kiểm soát;
- 65.2.3 Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- 65.2.4 Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
- 65.2.5 Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát; thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 65.2.6 Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;
- 65.2.7 Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban Kiểm soát theo Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát;
- 65.2.8 Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét; đảm bảo việc có đủ thời gian trước và trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát để thảo luận và cân nhắc các vấn đề phức tạp hoặc gây tranh cãi;
- 65.2.9 Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;
- 65.2.10 Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 66 Các cuộc họp của Ban kiểm soát

- 66.1 Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau ngày bầu cử Ban Kiểm soát đó. Thành viên Ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 05 (năm) ngày. Trường hợp có nhiều hơn một

thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.

- 66.2 Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp Ban Kiểm soát do Trưởng ban hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng ban triệu tập và làm chủ tọa.
- 66.3 Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:
- 66.3.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- 66.3.2 Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
- 66.3.3 Trưởng Ban Kiểm soát;
- 66.3.4 Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
- 66.3.5 Tổng Giám đốc.
- 66.4 Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 66.3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.
- 66.5 Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
- 66.6 Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của ACV.
- 66.7 Thông báo và chương trình họp:
- Thông báo mời họp Ban Kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát. Những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Ban Kiểm soát trước khi họp.

Điều 67 Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

67.1 Số thành viên tham dự yêu cầu.

67.1.1 Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc thông qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền.

67.1.2 Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai được tiến hành khi có từ 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp tham dự hoặc thông qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền.

67.1.3 Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát lần hai nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần ba trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Cuộc họp Ban Kiểm soát lần ba được tiến hành với số thành viên Ban Kiểm soát có mặt tại cuộc họp.

67.2 Nguyên tắc biểu quyết

67.2.1 Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

67.2.2 Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát để quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

67.2.3 Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

67.2.4 Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Điều 75 của Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

67.3 Biểu quyết theo đa số



- 67.3.1 Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận.
- 67.3.2 Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).
- 67.3.3 Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định đó được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với các vấn đề đưa ra xin ý kiến và số lượng thành viên Ban Kiểm soát tham gia lấy ý kiến bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

Điều 68 Biên bản họp Ban Kiểm soát

- 68.1 Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng nước ngoài (nếu có thành viên Ban kiểm soát là người nước ngoài) và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản.
- 68.2 Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.
- 68.3 Sổ biên bản và biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại ACV bởi Ban Kiểm soát.

Điều 69 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- 69.1 Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- 69.2 Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- 69.3 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của ACV;

- 69.4 Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- 69.5 Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

Điều 70 Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

- 70.1 Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- 70.1.1 Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 62 Điều lệ này;
- 70.1.2 Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- 70.1.3 Có đơn từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát ACV trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày;
- 70.1.4 Các trường hợp khác do Điều lệ ACV quy định.
- 70.2 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- 70.2.1 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 70.2.2 Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- 70.2.3 Vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- 70.2.4 Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của pháp luật và Điều lệ ACV.
- 70.3 Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho ACV thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

Điều 71 Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

- 71.1 Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;



- 71.2 Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- 71.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của ACV theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của ACV.

MỤC 6 – TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ ACV

Điều 72 Trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người quản lý ACV

- 72.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của ACV có trách nhiệm sau đây:
- 72.1.1 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 72.1.2 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của ACV;
- 72.1.3 Trung thành với lợi ích của ACV và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của ACV, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của ACV để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 72.1.4 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ACV về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của ACV;
- 72.1.5 ACV không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 72.1.6 Không được cạnh tranh bất hợp pháp với ACV hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của ACV;
- 72.1.7 Không được đòi hỏi hoặc nhận các quà tặng vật chất của ACV cho riêng mình hoặc người thân của mình;

- 72.1.8 Không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của ACV hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;
- 72.1.9 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 72.2 Để tránh nhầm lẫn, trừ khi được quy định rõ tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật, cổ đông sẽ không phải chịu trách nhiệm về bất kỳ hành động, nghĩa vụ, quyết định, ý kiến, hay việc không hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý do cổ đông đó đề cử hoặc là Người có liên quan đến cổ đông đó.

Điều 73 Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của ACV thực hiện theo quy định sau:

- 73.1 ACV tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của ACV theo quy định tại điểm 1.1.10 khoản 1.1 Điều 1 Điều lệ này và các giao dịch tương ứng của họ với ACV;
- 73.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của ACV phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với ACV, bao gồm:
- 73.2.1 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- 73.2.2 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
- 73.3 Việc kê khai quy định tại khoản 73.2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với ACV trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;
- 73.4 Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 73.2, 73.3 Điều này được thực hiện như sau:
- 73.4.1 ACV thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- 73.4.2 Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của ACV; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của ACV;
- 73.4.3 Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

- 73.4.4 ACV tạo điều kiện để những người quy định tại điểm 73.4.3 khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của ACV và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- 73.5 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của ACV đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về ACV.

Điều 74 Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

- 74.1 Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh ACV khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:
- 74.1.1 Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 72 của Điều lệ này;
- 74.1.2 Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- 74.1.3 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ ACV và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 74.1.4 Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của ACV để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 74.1.5 Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của ACV để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 74.1.6 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 74.2 Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh ACV sẽ tính vào chi phí của ACV, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

- Điều 75 Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận**
- 75.1 Hợp đồng, giao dịch giữa ACV với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
- 75.1.1 Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của ACV và những người có liên quan của họ;
- 75.1.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
- 75.1.3 Doanh nghiệp quy định tại khoản 73.2 Điều 73 Điều lệ này.
- 75.2 Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện ACV ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 75.3 Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 75.2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện ACV ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.
- 75.4 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 75.2, 75.3 Điều này, gây thiệt hại cho ACV; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho ACV các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
- Điều 76 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**
- 76.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

- 76.2 ACV bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do ACV là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được ACV ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của ACV với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của ACV với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của ACV, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của ACV, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của ACV được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
- 76.2.1 Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của ACV;
- 76.2.2 Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
- 76.3 Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. ACV có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC 7 – LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 77 Lao động

Tất cả các vấn đề liên quan đến người lao động của ACV, bao gồm cả hợp đồng lao động, thời giờ làm việc và ngày nghỉ, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tuyển dụng, đào tạo, thanh tra lao động, giải quyết tranh chấp lao động và các vấn đề có liên quan khác phải được ghi nhận tại Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể phù hợp với các quy định của Pháp luật.

Điều 78 Công đoàn

- 78.1 Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, xây dựng quy chế phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật đối với

người lao động cũng như mối quan hệ giữa ACV và các tổ chức công đoàn để Hội đồng quản trị thông qua.

- 78.2 Tổ chức công đoàn được đại diện tập thể người lao động nắm giữ số cổ phần mua ưu đãi (nếu có) theo quy định của Nhà nước khi ACV bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức công đoàn ACV có quyền và trách nhiệm của cổ đông phổ thông theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật tương ứng với số cổ phần nắm giữ.

CHƯƠNG IV: QUAN HỆ GIỮA ACV VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

MỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ACV

Điều 79 Cơ cấu tổ chức của ACV

- 79.1 ACV được tổ chức theo hệ thống thống nhất, bao gồm:
- 79.2 Trụ sở chính;
- 79.3 Các Đơn vị trực thuộc;
- 79.4 Các Công ty con; và
- 79.5 Các Công ty liên kết.
- 79.6 Danh sách các Đơn vị trực thuộc của ACV tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được ghi tại Phụ lục 1 đính kèm. Danh sách này được thay đổi, bổ sung khi có sự tách, nhập, giải thể, thành lập mới theo quy định của pháp luật.
- 79.7 ACV có thể thành lập các Đơn vị trực thuộc, đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết ở trong nước và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động của ACV theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi pháp luật cho phép.

MỤC 2 – QUAN HỆ GIỮA ACV VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 80 Quan hệ giữa ACV với các Đơn vị trực thuộc

Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc ACV, thực hiện hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của ACV và được cụ thể hóa tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này. Quy chế tổ chức và

hoạt động của các đơn vị trực thuộc do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng Quản trị phê duyệt. ACV chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các hợp đồng cam kết hợp pháp của các Đơn vị trực thuộc.

MỤC 3 – QUAN HỆ GIỮA ACV VỚI CÁC CÔNG TY CỔ VỐN GÓP

Điều 81 Quản lý phần vốn của ACV đầu tư tại doanh nghiệp khác

- 81.1 ACV quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản các công ty con do ACV sở hữu 100% vốn và tham gia đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại các Công ty con khác, Công ty liên kết của ACV; điều chỉnh mức đầu tư của ACV vào các Công ty con, Công ty liên kết đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của ACV.
- 81.2 Quyền và nghĩa vụ của ACV đối với các Công ty con, Công ty liên kết thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- 81.3 ACV ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp của ACV trực tiếp thay mặt ACV quản lý các khoản đầu tư của ACV tại các Công ty con, Công ty liên kết. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp của ACV tại Công ty con, Công ty liên kết được quy định tại quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
- 81.4 Người đại diện phần vốn góp của ACV thực hiện toàn bộ quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết. ACV chỉ ủy quyền cho các cá nhân khác (không phải Người đại diện) để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết mà ACV không cử Người đại diện. Trong một số trường hợp đặc biệt, Hội đồng quản trị có thể quyết định khác.
- 81.5 Trường hợp ACV cử nhiều người đại diện phần vốn góp tham gia quản lý vốn tại Công ty con, Công ty liên kết thì ACV quy định cụ thể tỷ lệ đại diện để ủy quyền cho từng người đại diện phần vốn và phân công trường nhóm người đại diện điều hành, phụ trách chung trong nhóm người đại diện phần vốn góp của ACV. Nội dung cụ thể do Hội đồng quản trị quy định.

Điều 82 Nguyên tắc quan hệ với các công ty có vốn góp của ACV

- 82.1 ACV sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các công ty có vốn góp của ACV. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện phần vốn của ACV thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các công ty này.
- 82.2 ACV sẽ hỗ trợ cho các công ty có vốn góp của ACV bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung cho cả tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con trên cơ sở phát huy được

thế mạnh của từng công ty và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các công ty. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa các thành viên trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của toàn bộ tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V: CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

MỤC 1 – CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Điều 83 Chế độ tài chính

83.1 ACV chấp hành chế độ tài chính theo quy định của pháp luật. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật, được cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của ACV.

83.2 Nội dung Quy chế quản lý tài chính của ACV được xây dựng trên nguyên tắc quản lý đối với công ty cổ phần do Nhà nước nắm quyền chi phối. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng Quy chế quản lý tài chính của ACV.

Quy chế quản lý tài chính tối thiểu phải có các nội dung sau:

83.2.1 Cơ chế quản lý và sử dụng vốn;

83.2.2 Cơ chế quản lý và sử dụng tài sản;

83.2.3 Cơ chế quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của ACV;

83.2.4 Cơ chế phân phối lợi nhuận; các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của ACV;

83.2.5 Cơ chế quản lý kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán;

83.2.6 Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý tài chính ACV;

83.2.7 Mối quan hệ tài chính giữa ACV với các công ty con, công ty liên kết.

83.3 ACV tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 84 Hệ thống kế toán

84.1 Hệ thống kế toán ACV sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) theo quy định. ACV thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do Bộ Tài chính quy định.

- 84.2 ACV sử dụng đồng Việt Nam (VND) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
- 84.3 Các sổ sách kế toán của ACV được lập bằng tiếng Việt theo quy định của pháp luật. Các sổ sách đó phải chính xác cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.

Điều 85 Năm tài chính

- 85.1 Năm tài chính của ACV bắt đầu từ ngày 01 (mùng một) tháng 01 (dương lịch) và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) dương lịch hàng năm.
- 85.2 Năm tài chính đầu tiên kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sau khi chuyển đổi từ công ty 100% vốn nhà nước) và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) của tháng 12 (mười hai) cùng năm.

MỤC 2 – KIỂM TOÁN

Điều 86 Kiểm toán độc lập

- 86.1 Theo đề nghị của Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông quyết định chọn một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của ACV phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của pháp luật. Công ty kiểm toán độc lập phải được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu pháp luật có yêu cầu.
- 86.2 Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của ACV.
- 86.3 ACV sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
- 86.4 Tổ chức kiểm toán độc lập của ACV sẽ kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của ACV và phải chuẩn bị báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
- 86.5 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của ACV sẽ được phép tham dự bất kỳ Đại hội đồng cổ đông nào và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính năm trong trường hợp báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu và có đề nghị của ACV hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 24.2 Điều 24 Điều lệ này.

86.6 Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của ACV được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 87 Kiểm toán nội bộ

87.1 ACV tổ chức và chỉ đạo thực hiện:

87.1.1 Công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho công tác điều hành của Tổng Giám đốc và công tác giám sát, kiểm tra của Ban Kiểm soát, của Hội đồng quản trị đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con của ACV.

87.1.2 ACV có thể thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ để trực tiếp thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ phục vụ cho công tác quản trị điều hành của ACV.

87.1.3 Kiểm toán bắt buộc theo quy định của pháp luật đối với báo cáo tài chính hàng năm của ACV, của các đơn vị trực thuộc, của các công ty con và báo cáo quyết toán các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

87.2 Trong thời hạn theo quy định hiện hành, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông, gồm:

87.2.1 Báo cáo tài chính của ACV.

87.2.2 Báo cáo tài chính hợp nhất của tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

87.3 ACV thực hiện công khai tài chính theo quy định của Nhà nước.

87.4 ACV thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của Pháp luật.

MỤC 3 – PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 88 Phân phối lợi nhuận sau thuế

Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của ACV được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 89 Trích lập quỹ

89.1 ACV trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

89.2 Hàng năm, ACV sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:

89.2.1 Bù đắp lỗ các năm trước (nếu có).

89.2.2 Trích lập các quỹ đầu tư phát triển.

89.2.3 Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- 89.2.4 Trích lập quỹ thường Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 89.2.5 Trả cổ tức cho Cổ đông theo quy định tại Điều 90 Điều lệ này.
- 89.3 Tỷ lệ trích các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề xuất của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 90 Cổ tức

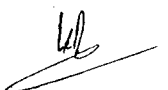
- 90.1 Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của ACV. ACV chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
- 90.1.1 ACV đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- 90.1.2 Đã trích lập các quỹ ACV và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- 90.1.3 Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, ACV vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 90.2 Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của ACV hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.
- 90.3 Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
- 90.3.1 Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của ACV;
- 90.3.2 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
- 90.3.3 Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

- 90.3.4 Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- 90.3.5 Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- 90.3.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của ACV.
- 90.4 Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ ACV.
- 90.5 Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, ACV không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại CHƯƠNG II: Điều 16 của Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

CHƯƠNG VI: SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA ACV

Điều 91 Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

- 91.1 ACV lập các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của pháp luật. Toàn bộ tài liệu kế toán, chứng từ, sổ và báo cáo của ACV được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các hồ sơ và báo cáo tài chính, kế toán quan trọng cần phải có sự chấp thuận và chữ ký của Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
- 91.2 Báo cáo tài chính hàng năm của ACV bao gồm:
- 91.2.1 Bảng cân đối kế toán;
- 91.2.2 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- 91.2.3 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- 91.2.4 Thuyết minh báo cáo tài chính, thuế và tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- Ngoài các báo cáo trên, ACV lập các báo cáo hàng năm bao gồm: báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành.
- 91.3 Báo cáo tài chính hàng năm của ACV được lập một cách trung thực, khách quan, được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua. Tổng Giám đốc ACV tổ chức thực hiện việc lập các báo cáo nêu tại khoản 91.2 Điều này.
- 91.4 ACV sẽ lập các báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng (đầu năm) và hàng quý và nộp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.



- 91.5 Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát việc lập báo cáo nêu tại khoản 91.2 Điều này; lập các báo cáo về tình hình kinh doanh của ACV; các báo cáo về tình hình tài chính của ACV, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành ACV và gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.
- 91.6 Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, báo cáo kiểm toán và các tài liệu khác có liên quan phải có ở trụ sở chính của ACV và được công bố trên website của ACV chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
- Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, sau khi được Ban Kiểm soát thẩm định sẽ được niêm yết tại trụ sở chính ACV và thông báo đến tất cả các cổ đông chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của ACV được công bố trên website riêng của ACV.
- 91.7 Các báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua gửi đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- 91.8 Trong trường hợp ACV thực hiện niêm yết chứng khoán thì phải tuân thủ các quy định của pháp luật về việc lập báo cáo tài chính đối với công ty niêm yết.

Điều 92 Báo cáo thường niên

ACV lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 93 Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ của ACV

- 93.1 Cổ đông của ACV có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông; xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ ACV, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 93.2 Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại khoản 93.1 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của ACV trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách ACV theo quy định tại khoản 24.2 Điều 24 của Điều lệ này.
- 93.3 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của ACV, danh sách Cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của ACV để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại ACV và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.

93.4 Các tổ chức, cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật kiểm tra hoặc thanh tra có quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo 06 (sáu) tháng trong giờ làm việc và tại trụ sở chính ACV.

Điều 94 Chế độ lưu giữ tài liệu của ACV

- 94.1 ACV lưu giữ tại trụ sở chính ACV các tài liệu sau đây:
- 94.1.1 Điều lệ ACV; sửa đổi, bổ sung Điều lệ ACV; các quy chế quản lý nội bộ của ACV;
 - 94.1.2 Sổ đăng ký cổ đông;
 - 94.1.3 Giấy phép thành lập và hoạt động; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - 94.1.4 Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
 - 94.1.5 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; các quyết định của ACV;
 - 94.1.6 Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có);
 - 94.1.7 Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kết luận của cơ quan kiểm toán độc lập;
 - 94.1.8 Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm của ACV;
 - 94.1.9 Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hàng năm của ACV, của các công ty con;
 - 94.1.10 Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của ACV; và
 - 94.1.11 Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
- 94.2 Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 94.1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.
- 94.3 Tổng Giám đốc ACV chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu ACV theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 95 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

- 95.1 Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được ACV gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan và phải được công bố trong thời hạn nhất định kể từ khi kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 95.2 Tổng Giám đốc là người thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ này về công bố thông tin và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định theo Điều lệ này. Bộ phận

lưu giữ hồ sơ, tài liệu của ACV chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền.

- 95.3 Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật.
- 95.4 Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

CHƯƠNG VII: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN ACV

Điều 96 Tổ chức lại

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi ACV thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 97 Giải thể

- 97.1 ACV bị giải thể trong các trường hợp sau:
- 97.1.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động theo quy định của Pháp luật;
- 97.1.2 Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- 97.1.3 Không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của pháp luật trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục.
- 97.2 ACV chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 97.3 Các quyết định giải thể ACV do Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật.
- 97.4 Chậm nhất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày có quyết định giải thể ACV, Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, trong đó hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Các thành viên Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số cán bộ, nhân viên của ACV hoặc thuê chuyên gia độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý tài sản được ACV ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của ACV.
- 97.5 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt ACV trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý ACV trước Tòa án và các cơ quan liên quan.

- 97.6 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:
- 97.6.1 Các chi phí thanh lý;
- 97.6.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm theo quy định của pháp luật cho cán bộ nhân viên;
- 97.6.3 Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà ACV phải trả cho Nhà nước.
- 97.6.4 Các khoản vay nợ của ACV.
- 97.6.5 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm 97.6.1 đến điểm 97.6.4 khoản này được phân chia cho các cổ đông.
- 97.7 Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể ACV thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 98 Phá sản

Việc phá sản ACV thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VIII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**Điều 99 Giải quyết tranh chấp nội bộ**

- 99.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của ACV hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành và bất kỳ luật hoặc các quy định hành chính nào khác giữa:
- 99.1.1 Cổ đông với ACV;
- 99.1.2 Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp,
- Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
- 99.2 Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế tại Việt Nam và theo pháp luật Việt Nam.



- 99.3 Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thù tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG IX: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 100 Thông tin định kỳ

- 100.1 ACV thông tin định kỳ cho cổ đông về những hoạt động của ACV trên website..
- 100.2 ACV được trao đổi thông tin với các tổ chức, hiệp hội, nghiệp đoàn mà mình là thành viên.
- 100.3 ACV có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự liên quan đến hoạt động ACV theo quy định của pháp luật..

Điều 101 Nghĩa vụ bảo mật

- 101.1 Nhân viên của ACV và những Người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của ACV mà mình biết.
- 101.2 ACV được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng và hoạt động của ACV, trừ trường hợp có yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Điều 102 Luật điều chỉnh, giải thích Điều lệ

- 102.1 Điều lệ này được điều chỉnh theo Luật Việt Nam.
- 102.2 Nếu một điều hoặc một phần của một điều của Điều lệ này có thể được hiểu theo cách làm cho điều đó bất hợp pháp, không còn hiệu lực thi hành hay vô hiệu, nhưng cũng có thể được hiểu theo cách làm cho điều đó hợp pháp, có hiệu lực thi hành và hiệu lực pháp lý thì được hiểu điều đó theo cách thứ hai.
- 102.3 Nếu một điều hoặc một phần của một điều là bất hợp pháp, không còn hiệu lực thi hành hay vô hiệu thì điều hoặc phần điều đó được xem là xóa khỏi Điều lệ này nhưng phần còn lại của Điều lệ không bị ảnh hưởng.

CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN HIỆU LỰC

Điều 103 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

- 103.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định.
- 103.2 Trong trường hợp có những quy định có liên quan của pháp luật đến hoạt động của ACV nhưng chưa được đề cập đến trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp các văn bản quy

phạm pháp luật được trích dẫn trong Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc chấm dứt thi hành hoặc có những quy định Pháp luật mới thì Đại hội đồng cổ đông ACV sẽ tiến hành thủ tục sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Điều lệ mới cho phù hợp. Trong thời gian Điều lệ này chưa được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của ACV.

Điều 104 Điều khoản chung

- 104.1 Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị, họp Ban Kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy chế nội bộ của ACV, quy định, quyết định của ACV cũng như trong các biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các Cổ đông nước ngoài (nếu có) tự chuẩn bị và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.
- 104.2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua ngày 26 tháng 08 năm 2016 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- 104.3 Tất cả các đơn vị cá nhân thuộc ACV có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.
- 104.4 Điều lệ gồm 10 (mười) chương, 104 Điều, được lập thành 08 (tám) bản gốc có giá trị như nhau, trong đó:
- 104.4.1 Hai (02) bản nộp Bộ Giao thông vận tải;
- 104.4.2 Một (01) bản nộp Bộ Tài chính;
- 104.4.3 Một (01) bản đăng ký tại Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh;
- 104.4.4 Bốn (04) bản lưu tại văn phòng của ACV.
- 104.5 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ ACV có giá trị khi được sao y, trích lục theo quy định về công tác văn thư của ACV phù hợp với quy định pháp luật.
- 104.6 Điều lệ này được thông qua và ban hành tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Lê Mạnh Hùng

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC ACV

1. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.
2. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng.
3. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
4. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không quốc tế Phú Bài.
5. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Chu Lai.
6. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh.
7. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ.
8. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc.
9. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Điện Biên.
10. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Nà Sản.
11. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Cát Bi.
12. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Vinh.
13. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Đồng Hới.
14. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Phù Cát.
15. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Tuy Hòa.
16. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Pleiku.
17. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Liên Khương.
18. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Buôn Ma Thuật.
19. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Côn Đảo.
20. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Rạch Giá.
21. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Cà Mau.
22. Chi nhánh Tổng công ty - Cảng hàng không Thọ Xuân./.